SAO Y; PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH; Thời gian ký: 2025-01-03T14:12:51+07:00

UBND HUYỆN CỦ CHI **PHÒNG TÀI CHÍNH – KẾ HOẠCH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2771/TCKH Về báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu năm 2024	*Củ Chi, ngày 31 tháng 12 năm 2024*

Kính gửi:

- Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện;
- Các đơn vị dự toán sử dụng ngân sách huyện;
- Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện nhận đực Công văn số 17894/SKHĐT-ĐTTĐGS ngày 25 tháng 12 năm 2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố về báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu năm 2024. Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện có ý kiến như sau:

Để có cơ sở tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân huyện báo cáo Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố, Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện đề nghị các cơ quan, đơn vị báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu năm 2024 theo các biểu mẫu và phụ lục đính kèm gửi về Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện **chậm nhất 15 giờ 00 ngày 08 tháng 01 năm 2025**.

(Đính kèm đề cương báo cáo, các biểu mẫu từ 1A đến 9B và Công văn 17894/SKHĐT-ĐTTĐGS ngày 25/12/2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố).

Rất mong sự phối hợp của các cơ quan, đơn vị để Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện hoàn thành nhiệm vụ./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, P.TCKH.02.NM Nhựt (90).

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH
H. CỦ CHI - T.P HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Duy Bảo

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG ĐẤU THẦU NĂM 2024

(Đính kèm Công văn số 2771/TCKH ngày 31/12/2024 của Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện)

Báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu năm 2024 theo các nội dung sau:

PHẦN A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG ĐẤU THẦU LỰA CHỌN NHÀ THẦU

I. Tổng hợp số liệu về kết quả thực hiện hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà thầu

1. Tổng hợp chung về kết quả thực hiện hoạt động đấu thầu

1.1. Tổng hợp chung về số liệu đối với việc lựa chọn nhà thầu của các gói thầu thuộc đối tượng áp dụng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 2 Luật Đấu thầu bao gồm: tổng số gói thầu, tổng giá gói thầu, tổng giá trúng thầu và tỷ lệ tiết kiệm chung theo lĩnh vực đấu thầu, theo hình thức lựa chọn nhà thầu, theo phân loại dự án.

1.2. Tổng hợp chung số liệu đối với việc lựa chọn nhà thầu của các gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của các Hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam là thành viên (Hiệp định CPTPP, Hiệp định EVFTA, Hiệp định UKVFTA,...) bao gồm: tổng số gói thầu, tổng giá gói thầu, tổng giá trúng thầu, tỷ lệ tiết kiệm theo lĩnh vực đấu thầu và theo hình thức lựa chọn nhà thầu.

1.3. Kết quả thực hiện lựa chọn nhà thầu qua mạng.

Tổng hợp chung số liệu báo cáo đấu thầu qua mạng; đánh giá kết quả theo quy định tại khoản 8 Điều 97 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 của Chính phủ về lộ trình đấu thầu qua mạng năm 2024.

1.4. Tỷ lệ mua sắm công xanh (nếu có).

2. Công tác chỉ đạo, điều hành, phổ biến việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về đấu thầu

2.1. Tổng hợp số liệu về số lượng văn bản chỉ đạo chỉ đạo, điều hành về đấu thầu lựa chọn nhà thầu;

2.2. Tổng hợp số liệu về số lượng, tên, thời gian tổ chức hội nghị/hội thảo phổ biến công tác đấu thầu.

2.3. Tổng hợp số liệu về số lượng các khóa đào tạo về đấu thầu (cơ bản, nâng cao, đấu thầu qua mạng, theo chuyên đề); số lượng cán bộ tham gia hoạt động đấu thầu; số lượng cán bộ có chứng chỉ, chứng nhận đã tham gia khóa học đấu thầu và đấu thầu qua mạng.

3. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát về đấu thầu lựa chọn nhà thầu

3.1. Tổng hợp số liệu về công tác thanh tra, kiểm tra về đấu thầu lựa chọn nhà thầu bao gồm: số lượng các cuộc thanh tra về đấu thầu; số lượng các cuộc thanh tra được lồng ghép nội dung về đấu thầu; số lượng các cuộc kiểm tra về đấu thầu; số lượng các cuộc kiểm tra được lồng ghép nội dung về đấu thầu.

3.2. Tổng hợp số liệu về công tác giám sát thường xuyên hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà thầu bao gồm: số lượng các văn bản chấn chỉnh hoạt động đấu thầu; số lượng tổ chức, cá nhân được yêu cầu xử lý vi phạm; số lượng tổ chức, cá nhân bị xử lý vi phạm.

4. Giải quyết kiến nghị và xử lý vi phạm

4.1. Tổng hợp số liệu về giải quyết kiến nghị về đấu thầu, bao gồm: số lượng văn bản kiến nghị nhận được; số lượng kiến nghị được giải quyết; số lượng kiến nghị đúng của nhà thầu.

4.2. Tổng hợp số liệu về xử lý vi phạm trong đấu thầu, bao gồm: số lượng quyết định xử lý vi phạm hành chính, tổng số tiền xử phạt theo các quyết định, tổng số tiền phạt vi phạm đã nộp; số lượng quyết định cấm tổ chức/cá nhân tham gia hoạt động đấu thầu; số lượng nhà thầu vi phạm bị chấm dứt hợp đồng do lỗi nhà thầu; số lượng đăng tải công khai trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia đối với các hành vi vi phạm trong đấu thầu.

5. Thông tin về nhà thầu nước ngoài trúng thầu

Tổng hợp số liệu về nhà thầu nước ngoài trúng thầu tại các gói thầu thuộc dự án/dự toán mua sắm, bao gồm: Số lượng, quốc tịch nhà thầu, giá trị trúng thầu.

6. Về áp dụng cơ chế đặc thù về chỉ định thầu

Tổng hợp số liệu về việc áp dụng cơ chế đặc thù về chỉ định thầu theo các Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ (nếu có), bao gồm: số lượng các gói thầu, tổng giá gói thầu, tổng giá trúng thầu, tỷ lệ tiết kiệm.

7. Các nội dung khác (nếu có).

II. Đánh giá việc thực hiện hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà thầu trong năm

Đánh giá **kết quả đạt được, hạn chế, tồn tại và nguyên nhân** việc thực hiện hoạt động đấu thầu trên địa bàn, ngành, lĩnh vực quản lý của cơ quan, đơn vị theo từng nội dung sau bao gồm:

1. Đánh giá chung.

- Tình hình tổ chức lựa chọn nhà thầu của các gói thầu thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, tổ chức theo các mục tiêu: cạnh tranh, công bằng, minh bạch, hiệu quả kinh tế.

- Đánh giá về kết quả của việc tổ chức lựa chọn nhà thầu, thực hiện hợp đồng đối với các gói thầu thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, tổ chức về mặt chất lượng, tiến độ, hiệu quả, giải ngân.

- Các nội dung khác (nếu có).

2. Về tổ chức, triển khai thực hiện chính sách pháp luật đấu thầu lựa chọn nhà thầu.

3. Về công tác chỉ đạo, điều hành, phổ biến việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về đấu thầu lựa chọn nhà thầu.

4. Về lựa chọn nhà thầu qua mạng.

5. Về công khai thông tin trong đấu thầu.

6. Về công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm và giải quyết kiến nghị.

7. Nội dung khác

- Đánh giá về việc áp dụng cơ chế đặc thù về chỉ định thầu theo các Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ (nếu có): việc đảm bảo mục tiêu của gói thầu, dự án khi thực hiện cơ chế đặc thù (tiến độ, chất lượng, hiệu quả về kinh tế, xã hội...).

- Các nội dung khác (nếu có).

III. Giải pháp và kiến nghị

Trên cơ sở tình hình thực tế, khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà thầu của năm 2024, các cơ quan, đơn vị đề xuất giải pháp và kiến nghị đối với cấp có thẩm quyền để giải quyết những khó khăn, vướng mắc để đảm bảo triển khai có hiệu quả công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu trong năm 2025.

1. Giải pháp.

2. Kiến nghị.

PHẦN B. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG ĐẤU THẦU LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ DỰ ÁN ĐẦU TƯ KINH DOANH

I. Tổng hợp số liệu về kết quả thực hiện hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư

1. Tổng hợp chung về kết quả thực hiện hoạt động đấu thầu

Tổng hợp chung về số liệu đối với việc lựa chọn nhà đầu tư thực hiện các dự án đầu tư kinh doanh thuộc đối tượng áp dụng quy định tại khoản 3 Điều 2 Luật Đấu thầu bao gồm: số lượng dự án tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, phân loại dự án; số lượng dự án áp dụng thủ tục mời quan tâm và chấp thuận nhà

đầu tư theo pháp luật về đầu tư; hình thức, phương thức lựa chọn nhà đầu tư; hiệu quả sử dụng đất, hiệu quả đầu tư phát triển ngành, lĩnh vực đạt được thông qua đấu thầu; số lượng dự án đầu tư có sử dụng đất hoặc dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực thuộc trường hợp chuyển tiếp phải dừng việc lựa chọn nhà đầu tư.

2. Công tác chỉ đạo, điều hành, phổ biến việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về đấu thầu

Tổng hợp số liệu về số lượng văn bản chỉ đạo chỉ đạo, điều hành về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư; số lượng hội nghị/hội thảo phổ biến công tác đấu thầu.

3. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư

a) Tổng hợp số liệu về công tác thanh tra, kiểm tra về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư bao gồm: số lượng các cuộc thanh tra về đấu thầu; số lượng các cuộc thanh tra được lồng ghép nội dung về đấu thầu; số lượng các cuộc kiểm tra về đấu thầu; số lượng các cuộc kiểm tra được lồng ghép nội dung về đấu thầu.

b) Tổng hợp số liệu về công tác giám sát hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư.

4. Giải quyết kiến nghị và xử lý vi phạm

a) Tổng hợp số liệu về giải quyết kiến nghị về đấu thầu, bao gồm: số lượng văn bản kiến nghị nhận được; số lượng kiến nghị được giải quyết; số lượng kiến nghị đúng của nhà đầu tư.

b) Tổng hợp số liệu về xử lý vi phạm trong đấu thầu, bao gồm: số lượng quyết định xử lý vi phạm hành chính, tổng số tiền xử phạt theo các quyết định, tổng số tiền phạt vi phạm đã nộp; số lượng quyết định cấm tổ chức/cá nhân tham gia hoạt động đấu thầu; số lượng nhà đầu tư vi phạm bị chấm dứt hợp đồng do lỗi nhà đầu tư; số lượng đăng tải công khai trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia đối với các hành vi vi phạm trong đấu thầu.

5. Các nội dung khác (nếu có).

II. Đánh giá việc thực hiện hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư trong năm

Đánh giá **kết quả đạt được, hạn chế, tồn tại và nguyên nhân** việc thực hiện hoạt động đấu thầu trên địa bàn, ngành, lĩnh vực quản lý của cơ quan, đơn vị theo từng nội dung sau bao gồm:

1. Đánh giá chung.

2. Về tổ chức, triển khai thực hiện chính sách pháp luật đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư.

3. Về công tác chỉ đạo, điều hành, phổ biến việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư.

4. Về lựa chọn nhà đầu tư qua mạng.

5. Về công khai thông tin trong đấu thầu.

6. Về công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm và giải quyết kiến nghị.

7. Nội dung khác (nếu có).

III. Giải pháp và kiến nghị

Trên cơ sở tình hình thực tế, khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư của năm 2024, các cơ quan, đơn vị đề xuất giải pháp và kiến nghị đối với cấp có thẩm quyền để giải quyết những khó khăn, vướng mắc để đảm bảo triển khai có hiệu quả công tác đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư trong năm 2025.

1. Giải pháp.

2. Kiến nghị.

PHỤ LỤC 2

BIỂU SỐ 01A

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU

CÁC GÓI THẦU THUỘC DỰ ÁN ĐẦU TƯ THEO QUY ĐỊNH TẠI ĐIỂM A KHOẢN 1 ĐIỀU 2 LUẬT ĐẤU THẦU SỐ 22/2023/QH15

(Đính kèm Công văn số 17894/SKHĐT-ĐTTĐGS ngày 25/12/2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)

Đơn vị: Triệu đồng

LĨNH VỰC VÀ HÌNH THỨC			Dự án quan trọng quốc gia (1)				Dự án nhóm A (2)				Dự án nhóm B (3)				Dự án nhóm C (4)				Cộng 1 + 2 + 3 +4)			
			Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch
I. THEO LĨNH VỰC ĐẤU THẦU																						
1. Phi tư vấn		KQM																				
		QM																				
2. Tư vấn		KQM																				
		QM																				
3. Mua sắm hàng hóa		KQM																				
		QM																				
4. Xây lắp		KQM																				
		QM																				
5. Hỗn hợp		KQM																				
		QM																				
Tổng cộng I		KQM																				
		QM																				
II. THEO HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU																						
1. Đấu thầu rộng rãi	Trong nước	KQM																				
		QM																				
	Quốc tế	KQM																				
2. Đấu thầu hạn chế	Trong nước	KQM																				
		QM																				
	Quốc tế	KQM																				
3. Chỉ định thầu	Trong nước	KQM																				
	Quốc tế	KQM																				
4. Chào hàng cạnh tranh	Trong nước	KQM																				
		QM																				
	Quốc tế	KQM																				
5. Mua sắm trực tiếp	Trong nước	KQM																				
	Quốc tế	KQM																				
6. Tự thực hiện	Trong nước	KQM																				
7. Lựa chọn nhà thầu trong trường hợp	Trong nước	KQM																				
	Quốc tế	KQM																				
8. Tham gia thực hiện của cộng đồng	Trong nước	KQM																				
9. Đàm phán giá	Trong nước	KQM																				
	Quốc tế	KQM																				
10. Chào giá trực tuyến	Trong nước	QM																				
Tổng cộng II		KQM																				
		QM																				

Ghi chú:

- Số liệu tổng hợp tại Biểu này không bao gồm: (1) các gói thầu thuộc dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài đã được báo cáo tại Biểu số 03A, Biểu số 03B; (2) các gói thầu thuộc dự toán mua sắm đã được báo cáo tại Biểu số 02A, Biểu số 02B.

- Số liệu tổng hợp tại Biểu này bao gồm cả gói thầu áp dụng mua sắm tập trung (dự án đầu tư) được tổng hợp tại Biểu số 04.

- Đơn vị tính là "Triệu đồng". Số liệu là số nguyên.

- KQM: Lựa chọn nhà thầu không qua mạng.

- QM: Lựa chọn nhà thầu qua mạng.

_____, ngày _____ tháng _____ năm

Người báo cáo

(tên, số điện thoại, địa chỉ email)

BIỂU SỐ 01B

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU

CÁC GÓI THẦU THUỘC DỰ ÁN ĐẦU TƯ THEO QUY ĐỊNH TẠI ĐIỂM A KHOẢN 2 ĐIỀU 2 LUẬT ĐẤU THẦU SỐ 22/2023/QH15

(Đính kèm Công văn số 17894/SKHĐT-ĐTTĐGS ngày 25/12/2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)

Đơn vị: Triệu đồng

LĨNH VỰC VÀ HÌNH THỨC			Dự án quan trọng quốc gia (1)				Dự án nhóm A (2)				Dự án nhóm B (3)				Dự án nhóm C (4)				Cộng 1 + 2 + 3 +4)			
			Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch
I. THEO LĨNH VỰC ĐẤU THẦU																						
1. Phi tư vấn		KQM																				
		QM																				
2. Tư vấn		KQM																				
		QM																				
3. Mua sắm hàng hóa		KQM																				
		QM																				
4. Xây lắp		KQM																				
		QM																				
5. Hỗn hợp		KQM																				
		QM																				
Tổng cộng I		KQM																				
		QM																				
II. THEO HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU																						
1. Đấu thầu rộng rãi	Trong nước	KQM																				
		QM																				
	Quốc tế	KQM																				
2. Đấu thầu hạn chế	Trong nước	KQM																				
		QM																				
	Quốc tế	KQM																				
3. Chỉ định thầu	Trong nước	KQM																				
	Quốc tế	KQM																				
4. Chào hàng cạnh tranh	Trong nước	KQM																				
		QM																				
	Quốc tế	KQM																				
5. Mua sắm trực tiếp	Trong nước	KQM																				
	Quốc tế	KQM																				
6. Tự thực hiện	Trong nước	KQM																				
7. Lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt	Trong nước	KQM																				
	Quốc tế	KQM																				
8. Tham gia thực hiện của cộng đồng	Trong nước	KQM																				
9. Đàm phán giá	Trong nước	KQM																				
	Quốc tế	KQM																				
10. Chào giá trực tuyến	Trong nước	QM																				
Tổng cộng II		KQM																				
		QM																				

Ghi chú:

- Số liệu tổng hợp tại Biểu này không bao gồm các gói thầu thuộc dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài đã được báo cáo tại Biểu số 03A, Biểu số 03B. Đơn vị tính là "Triệu đồng". Số liệu là số nguyên.

- Số liệu tổng hợp tại Biểu này bao gồm cả gói thầu áp dụng mua sắm tập trung (dự án đầu tư) được tổng hợp tại Biểu số 04.

- KQM: Lựa chọn nhà thầu không qua mạng.

- QM: Lựa chọn nhà thầu qua mạng.

_____,ngày_____tháng_____năm

Người báo cáo

(tên, số điện thoại, địa chỉ email)

BIỂU SỐ 02A

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU

GÓI THẦU THUỘC DỰ TOÁN MUA SẮM QUY ĐỊNH TẠI ĐIỂM A KHOẢN 1 ĐIỀU 2 LUẬT ĐẤU THẦU SỐ 22/2023/QH15

(Đính kèm Công văn số 17894/SKHĐT-ĐTTDGS ngày 25/12/2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)

Đơn vị: Triệu đồng

LĨNH VỰC VÀ HÌNH THỨC			Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch
I. THEO LĨNH VỰC ĐẤU THẦU						
1. Phi tư vấn		KQM				
		QM				
2. Tư vấn		KQM				
		QM				
3. Mua sắm hàng hóa		KQM				
		QM				
4. Xây lắp		KQM				
		QM				
5.Hỗn hợp		KQM				
		QM				
Tổng cộng I		KQM				
		QM				
II. THEO HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU						
1. Rộng rãi	Trong nước	KQM				
		QM				
	Quốc tế	KQM				
2. Hạn chế	Trong nước	KQM				
		QM				
	Quốc tế	KQM				
3. Chỉ định thầu	Trong nước	KQM				
	Quốc tế	KQM				
4. Chào hàng cạnh tranh	Trong nước	KQM				
		QM				
	Quốc tế	KQM				
5. Mua sắm trực tiếp	Trong nước	KQM				
	Quốc tế	KQM				
6. Tự thực hiện	Trong nước	KQM				
7. Lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt	Trong nước	KQM				
	Quốc tế	KQM				
8. Tham gia thực hiện của cộng đồng	Trong nước	KQM				
9. Đàm phán giá	Trong nước	KQM				
	Quốc tế	KQM				
10. Chào giá trực tuyến	Trong nước	QM				
Tổng cộng II		KQM				
		QM				

Ghi chú:

- Số liệu tổng hợp tại Biểu này bao gồm cả gói thầu áp dụng mua sắm tập trung (dự toán mua sắm) được tổng hợp tại Biểu số 04. Đơn vị tính là "Triệu đồng". Số liệu là số nguyên.

- Số liệu tổng hợp tại Biểu này không bao gồm gói thầu dùng vốn đối ứng trong dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ.

- KQM: Lựa chọn nhà thầu không qua mạng.

- QM: Lựa chọn nhà thầu qua mạng.

_____,ngày_____tháng_____năm

Người báo cáo

(tên, số điện thoại, địa chỉ email)

BIỂU SỐ 02B

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU

GÓI THẦU THUỘC ĐIỂM B, C KHOẢN 1 ĐIỀU 2 VÀ ĐIỂM B KHOẢN 2 ĐIỀU 2 LUẬT ĐẤU THẦU SỐ 22/2023/QH15

(Đính kèm Công văn số 17894/SKHĐT-ĐTTĐGS ngày 25/12/2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)

Đơn vị: Triệu đồng

LĨNH VỰC VÀ HÌNH THỨC			Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch
I. THEO LĨNH VỰC ĐẤU THẦU						
1. Phi tư vấn		KQM				
		QM				
2. Tư vấn		KQM				
		QM				
3. Mua sắm hàng hóa		KQM				
		QM				
4. Xây lắp		KQM				
		QM				
5. Hỗn hợp		KQM				
		QM				
Tổng cộng I		KQM				
		QM				
II. THEO HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU						
1. Rộng rãi	Trong nước	KQM				
		QM				
	Quốc tế	KQM				
2. Hạn chế	Trong nước	KQM				
		QM				
	Quốc tế	KQM				
3. Chỉ định thầu	Trong nước	KQM				
	Quốc tế	KQM				
4. Chào hàng cạnh tranh	Trong nước	KQM				
		QM				
	Quốc tế	KQM				
5. Mua sắm trực tiếp	Trong nước	KQM				
	Quốc tế	KQM				
6. Tự thực hiện	Trong nước	KQM				
7. Lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt	Trong nước	KQM				
	Quốc tế	KQM				
8. Tham gia thực hiện của cộng đồng	Trong nước	KQM				
9. Đàm phán giá	Trong nước	KQM				
	Quốc tế	KQM				
10. Chào giá trực tuyến	Trong nước	QM				
Tổng cộng II		KQM				
		QM				

Ghi chú:

- Số liệu tổng hợp tại Biểu này bao gồm cả gói thầu áp dụng mua sắm tập trung được tổng hợp tại Biểu số 04.

- Số liệu tổng hợp tại Biểu này không bao gồm gói thầu dùng vốn đối ứng trong dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ.

- Đơn vị tính là "Triệu đồng". Số liệu là số nguyên.

- KQM: Lựa chọn nhà thầu không qua mạng.

- QM: Lựa chọn nhà thầu qua mạng.

_____,ngày_____tháng_____năm

Người báo cáo

(tên, số điện thoại, địa chỉ email)

BIỂU SỐ 03A

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU

GÓI THẦU SỬ DỤNG VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA NHÀ TÀI TRỢ

THUỘC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA NHÀ TÀI TRỢ

(Đính kèm Công văn số 17894/SKHĐT-ĐTTĐGS ngày 25/12/2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)

Đơn vị: Triệu đồng

LĨNH VỰC VÀ HÌNH THỨC			Dự án quan trọng quốc gia (1)				Dự án nhóm A (2)				Dự án nhóm B (3)				Dự án nhóm C (4)				Cộng (1 + 2 + 3 + 4)			
			Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch
I. THEO LĨNH VỰC ĐẤU THẦU																						
1. Phi tư vấn		KQM																				
		QM																				
2. Tư vấn		KQM																				
		QM																				
3. Mua sắm hàng hóa		KQM																				
		QM																				
4. Xây lắp		KQM																				
		QM																				
5. Hỗn hợp		KQM																				
		QM																				
Tổng cộng I		KQM																				
		QM																				
II. THEO HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU																						
1. Rộng rãi (ICS,QCBS, QBS, FBS, LCS, CQS, ICB, NCB…)	Trong nước	KQM																				
		QM																				
	Quốc tế	KQM																				
2. Hạn chế (LIB…)	Trong nước	KQM																				
		QM																				
	Quốc tế	KQM																				
3. Chỉ định thầu (SSS, Direct contracting…)	Trong nước	KQM																				
	Quốc tế	KQM																				
4. Chào hàng cạnh tranh (shopping)	Trong nước	KQM																				
		QM																				
	Quốc tế	KQM																				
5. Mua sắm trực tiếp (repeat order)	Trong nước	KQM																				
	Quốc tế	KQM																				
6. Tự thực hiện (force account)	Trong nước	KQM																				
7. Tham gia thực hiện của cộng đồng	Trong nước	KQM																				
8. Đàm phán giá	Trong nước	KQM																				
	Quốc tế	KQM																				
9. Chào giá trực tuyến	Trong nước	QM																				
Tổng cộng II		KQM																				
		QM																				

Ghi chú:

- Số liệu báo cáo tại biểu này chỉ bao gồm phần vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ trong dự án; phần đối ứng, đề nghị tổng hợp số liệu vào Biểu số 03B. Đơn vị tính là "Triệu đồng". Số liệu là số nguyên.

- KQM: Lựa chọn nhà thầu không qua mạng.

- QM: Lựa chọn nhà thầu qua mạng.

_____,ngày_____tháng_____năm

Người báo cáo

(tên, số điện thoại, địa chỉ email)

BIỂU SỐ 03B

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU

GÓI THẦU SỬ DỤNG VỐN ĐỐI ỨNG THUỘC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA NHÀ TÀI TRỢ

(Đính kèm Công văn số 17894/SKHĐT-ĐTTĐGS ngày 25/12/2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)

Đơn vị: Triệu đồng

LĨNH VỰC VÀ HÌNH THỨC			Dự án quan trọng quốc gia (1)				Dự án nhóm A (2)				Dự án nhóm B (3)				Dự án nhóm C (4)				Cộng (1 + 2 + 3 + 4)			
			Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch
I. THEO LĨNH VỰC ĐẤU THẦU																						
1. Phi tư vấn		KQM																				
		QM																				
2. Tư vấn		KQM																				
		QM																				
3. Mua sắm hàng hóa		KQM																				
		QM																				
4. Xây lắp		KQM																				
		QM																				
5. Hỗn hợp		KQM																				
		QM																				
Tổng cộng I		KQM																				
		QM																				
II. THEO HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU																						
1. Rộng rãi (ICS,QCBS, QBS, FBS, LCS, CQS, ICB, NCB…)	Trong nước	KQM																				
		QM																				
	Quốc tế	KQM																				
2. Hạn chế (LIB…)	Trong nước	KQM																				
		QM																				
	Quốc tế	KQM																				
3. Chỉ định thầu (SSS, Direct contracting…)	Trong nước	KQM																				
	Quốc tế	KQM																				
4. Chào hàng cạnh tranh (shopping)	Trong nước	KQM																				
		QM																				
	Quốc tế	KQM																				
5. Mua sắm trực tiếp (repeat order)	Trong nước	KQM																				
	Quốc tế	KQM																				
6. Tự thực hiện (force account)	Trong nước	KQM																				
7. Tham gia thực hiện của cộng đồng	Trong nước	KQM																				
8. Đàm phán giá	Trong nước	KQM																				
	Quốc tế	KQM																				
9. Chào giá trực tuyến	Trong nước	QM																				
Tổng cộng II		KQM																				
		QM																				

Ghi chú:

- Số liệu báo cáo tại biểu này chỉ bao gồm phần vốn đối ứng trong dự án sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ. Đơn vị tính là "Triệu đồng". Số liệu là số nguyên.

- KQM: Lựa chọn nhà thầu không qua mạng

- QM: Lựa chọn nhà thầu qua mạng

_____,ngày_____tháng_____năm

Người báo cáo

(tên, số điện thoại, địa chỉ email)

BIỂU SỐ 04

Biểu số liệu cụ thể về công tác lựa chọn nhà thầu theo phương thức mua sắm tập trung

(Đính kèm Công văn số 17894/SKHĐT-ĐTTĐGS ngày 25/12/2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)

Đơn vị tính: triệu đồng

Nội dung	Giá gói thầu	Mặt hàng mua sắm	Số lượng mua sắm	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Số lượng nhà thầu nộp HSDT/HSĐX	Số lượng nhà thầu vào bước đánh giá tài chính	Nhà thầu trúng thầu	Giá trúng thầu	Giá hợp đồng	Loại hợp đồng	Cách thức thực hiện (ký thỏa thuận khung/ký trực tiếp hợp đồng)
I. Tên đơn vị mua sắm											
1. Dự án/Dự toán mua sắm 1											
1.1. Tên gói thầu 1											
1.2. Tên gói thầu 2											
….											
Tổng cộng I											
II. Tên đơn vị mua sắm											
1. Dự án/Dự toán mua sắm 1											
1.1. Tên gói thầu 1											
1.2. Tên gói thầu 2											
….											
Tổng cộng II											
III. Tổng cộng (I+II+…)											

Ghi chú: Mua sắm tập trung tổng hợp tại biểu này đồng thời tổng hợp tại Biểu số 01A, Biểu số 01B, Biểu số 02A và Biểu số 02B. Đơn vị tính là "Triệu đồng". Số liệu là số nguyên.

_____, ngày____tháng____năm

Người báo cáo

(tên, số điện thoại, địa chỉ email)

BIỂU SỐ 05

Biểu tổng hợp kết quả lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định CPTPP, Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA

(Đính kèm Công văn số 17894/SKHĐT-ĐTTĐGS ngày 25/12/2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)

Đơn vị tính: triệu đồng

Nội dung	Thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định *(CPTPP, EVFTA,UKVFTA)*	Giá gói thầu	Giá trị của tùy chọn mua thêm (nếu có)	Lĩnh vực lựa chọn nhà thầu *(Tư vấn, phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, dịch vụ xây dựng)*	Hình thức lựa chọn nhà thầu *(đấu thầu rộng rãi nội khối/quốc tế, chỉ định thầu nội khối/quốc tế)*	Số lượng nhà thầu nộp HSDT/HSĐX	Số lượng nhà thầu vào bước đánh giá tài chính	Nhà thầu trúng thầu	Giá trúng thầu	Giá hợp đồng	Loại hợp đồng
I. Tên cơ quan mua sắm 1											
1. Dự án, dự toán mua sắm 1											
1.1. Tên gói thầu 1											
1.2. Tên gói thầu 2											
....											
1. Dự án, dự toán mua sắm 2											
1.1. Tên gói thầu 1											
....											
Tổng cộng I											
II. Tên cơ quan mua sắm 2											
1. Dự án, dự toán mua sắm 1											
1.1. Tên gói thầu 1											
....											
1. Dự án, dự toán mua sắm 2											
1.1. Tên gói thầu 1											
....											
Tổng cộng II											
III. Tổng cộng (I+II+...)											

Ghi chú: Các cơ quan mua sắm thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định CPTPP, Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA phải báo cáo nội dung tại Biểu này.

_____, ngày____tháng____năm

Người báo cáo

(tên, số điện thoại, địa chỉ email)

BIỂU SỐ 06

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÓ SỬ DỤNG ĐẤT THEO QUY ĐỊNH CỦA LUẬT ĐẤU THẦU SỐ 43/2013/QH13, NGHỊ ĐỊNH SỐ 25/2020/NĐ-CP

VÀ VĂN BẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ (NẾU CÓ)

(Đính kèm Công văn số 17894/SKHĐT-ĐTTĐGS ngày 25/12/2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)

TT	Tên dự án	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Diện tích sử dụng đất (ha)	Loại công trình dự án (1)				Công bố danh mục dự án (2)		Số lượng nhà đầu tư nộp Hồ sơ đăng ký thực hiện dự án		Số lượng nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm	Gia hạn thời gian nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án (3)		Hình thức lựa chọn nhà đầu tư (4)						Chấp thuận NDT (5) (Nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận NDT trước ngày 01/8/2024)	Chưa xác định hình thức LCNDT	Số lượng NDT mua/nhận HSMT/HSYC	Số lượng NDT nộp HSDT/HSDX (trước ngày 01/8/2024)		Số lượng dự án hủy thông báo mời quan tâm/thông báo mời thầu và dừng việc lựa chọn NDT (6)	Số lượng dự án xác định tổ chức đấu thầu theo quy định tại Nghị định số 115/2024/NĐ-CP (7)	Giá trị nộp ngân sách nhà nước		Số lượng nhà đầu tư nộp HSDT/HSDX	Kết quả lựa chọn nhà đầu tư (8)	Thời điểm ký kết hợp đồng dự án (9)	Tiền sử dụng đất, tiền thuê đất NDT phải nộp sau khi được giao đất, cho thuê đất
				Khu đô thị, nhà ở thương mại	Trụ sở, văn phòng làm việc	Công trình thương mại, dịch vụ	Công trình dân dụng có một hoặc nhiều công năng	Thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư	Không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư	Trước ngày 01/8/2024	Sau ngày 01/8/2024		Có gia hạn	Không gia hạn	Đấu thầu rộng rãi		Chỉ định NDT		LCNDT trong trường hợp đặc biệt					Trước ngày 01/8/2024	Sau ngày 01/8/2024			Yêu cầu trong HSMT/HSYC (m^2)	Đề xuất trong HSDT/HSDX hoặc được đề nghị trúng thầu (M^2)				
															Trong nước	Quốc tế	Trong nước	Quốc tế	Trong nước	Quốc tế														
	1. Dự án do cơ quan có thẩm quyền lập																																	
1	Dự án 1																																	
2	Dự án 2																																	
	...																																	
Tổng	*(số dự án)*																																	
	2. Dự án do nhà đầu tư đề xuất																																	
1	Dự án 1																																	
2	Dự án 2																																	
	...																																	
Tổng	*(số dự án)*																																	

Ghi chú:

(1) Ghi "X" đối với loại công trình của dự án

(2): Ghi "X" đối với trường hợp đã công bố danh mục dự án trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia

(3): Trường hợp chỉ có 01 nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm, ghi "X" vào trường hợp có gia hạn hoặc không gia hạn thời gian nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án

(4): Ghi "X" vào hình thức lựa chọn nhà đầu tư tương ứng

(5): Ghi "X" trường hợp chỉ có 01 nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm

(6) Ghi số lượng dự án thuộc trường hợp chuyển tiếp phải hủy thông báo mời quan tâm/thông báo mời thầu và dừng việc lựa chọn nhà đầu tư

(7) Ghi số lượng dự án thuộc trường hợp chuyển tiếp và xác định tổ chức đấu thầu lại theo quy định của Nghị định số 115/2024/NĐ-CP

(8): Ghi tên nhà đầu tư được lựa chọn

(9): Định dạng "ngày/tháng/năm"

_____, ngày____tháng____năm

Người báo cáo

(tên, số điện thoại, địa chỉ email)

BIỂU SỐ 07

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ DỰ ÁN PHẢI TỔ CHỨC ĐẤU THẦU THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT QUẢN LÝ NGÀNH, LĨNH VỰC THEO QUY ĐỊNH CỦA LUẬT ĐẤU THẦU SỐ 22/2023/QH15, NGHỊ ĐỊNH SỐ 23/2024/NĐ-CP VÀ VĂN BẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ (NẾU CÓ)

(Đính kèm Công văn số 17894 SKHĐT-ĐTTĐGS ngày 25/12/2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)

TT	Tên dự án	Tổng vốn đầu tư dự án (tỷ đồng)	Diện tích sử dụng đất (ha) (Nếu có)	Lĩnh vực đầu tư (1)	Công bố dự án (2)		Số lượng nhà đầu tư nộp Hồ sơ đăng ký thực hiện dự án		Số lượng nhà đầu tư nộp Hồ sơ đăng ký thực hiện dự án (Nếu áp dụng)	Số lượng nhà đầu tư đáp ứng Hồ sơ mời quan tâm (Nếu áp dụng)	Hình thức lựa chọn nhà đầu tư (3)				Chấp thuận NĐT (4)		Chưa xác định hình thức LCNĐT	Số lượng nhà đầu tư mua/nhận HSMT	Số lượng nhà đầu tư nộp HSDT		Số lượng dự án hủy thông báo mời quan tâm/thông báo mời thầu và dừng việc LCNĐT (5)	Số lượng dự án xác định tổ chức đấu thầu theo quy định tại Nghị định số 115/2024/NĐ-CP (6)	Kết quả lựa chọn nhà đầu tư (7)	Thời điểm ký kết hợp đồng dự án	Nguyên tắc xét duyệt trúng thầu (8)
					Thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư	Không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư	Trước ngày 01/8/2024	Sau ngày 01/8/2024			Đấu thầu rộng rãi		Đấu thầu hạn chế		Trước ngày 01/8/2024	Sau ngày 01/8/2024			Trước ngày 01/8/2024	Sau ngày 01/8/2024					
											Trong nước	Quốc tế	Trong nước	Quốc tế											
	1. Dự án do cơ quan có thẩm quyền lập																								
1	Dự án 1																								
2	Dự án 2																								
Tổng	*(số dự án)*																								
	2. Dự án do nhà đầu tư đề xuất																								
1	Dự án 1																								
2	Dự án 2																								
Tổng	*(số dự án)*																								

Ghi chú:

(1) Ghi lĩnh vực đầu tư theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 23/2024/NĐ-CP

(2): Ghi "X" đối với trường hợp đã công bố danh mục dự án trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia

(3): Ghi "X" vào hình thức lựa chọn nhà đầu tư tương ứng

(4): Ghi "X" trường hợp chỉ có 01 nhà đầu tư đăng ký và đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời quan tâm hoặc có nhiều nhà đầu tư đăng ký nhưng chỉ có một nhà đầu tư đáp ứng yêu của hồ sơ mời quan tâm

(5) Ghi số lượng dự án thuộc trường hợp chuyển tiếp phải hủy thông báo mời quan tâm/thông báo mời thầu và dừng việc lựa chọn nhà đầu tư

(6) Ghi số lượng dự án thuộc trường hợp chuyển tiếp và xác định tổ chức đấu thầu lại theo quy định của Nghị định số 115/2024/NĐ-CP

(7): Ghi tên nhà đầu tư được lựa chọn

(8): Ghi giá trị bằng tiền hoặc giá trị khác theo một trong các tiêu chuẩn quy định tại Điều 47 Nghị định số 23/2024/NĐ-CP

_____, ngày____tháng____năm

Người báo cáo

(tên, số điện thoại, địa chỉ email)

BIỂU SỐ 08

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÓ SỬ DỤNG ĐẤT

THEO QUY ĐỊNH CỦA LUẬT ĐẤU THẦU SỐ 22/2023/QH15, NGHỊ ĐỊNH SỐ 115/2024/NĐ-CP

(Đính kèm Công văn số 17894/SKHĐT-ĐTTĐGS ngày 25/12/2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)

TT	Tên dự án	Tổng vốn đầu tư dự án (tỷ đồng)	Diện tích sử dụng đất (ha) (Nếu có)	Lĩnh vực đầu tư (1)	Công bố dự án (2)		Số lượng nhà đầu tư nộp Hồ sơ đăng ký thực hiện dự án (Nếu áp dụng)	Số lượng nhà đầu tư đáp ứng Hồ sơ mời quan tâm (Nếu áp dụng)	Hình thức lựa chọn nhà đầu tư (3)				Chấp thuận NĐT (4)	Chưa xác định hình thức LCNĐT	Số lượng nhà đầu tư mua/nhận HSMT	Số lượng nhà đầu tư nộp HSDT	Kết quả lựa chọn nhà đầu tư (5)	Thời điểm ký kết hợp đồng dự án	Nguyên tắc xét duyệt trúng thầu (6)
					Thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư	Không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư			Đấu thầu rộng rãi		Đấu thầu hạn chế								
									Trong nước	Quốc tế	Trong nước	Quốc tế							
	1. Dự án do cơ quan có thẩm quyền lập																		
1	Dự án 1																		
2	Dự án 2																		
	...																		
Tổng	*(số dự án)*																		
	2. Dự án do nhà đầu tư đề xuất																		
1	Dự án 1																		
2	Dự án 2																		
	...																		
Tổng	*(số dự án)*																		

Ghi chú:

(1) Ghi lĩnh vực đầu tư theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 4 Nghị định số 115/2024/NĐ-CP

(2): Ghi "X" đối với trường hợp đã công bố thông tin dự án trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia

(3): Ghi "X" vào hình thức lựa chọn nhà đầu tư tương ứng

(4): Ghi "X" trường hợp chỉ có 01 nhà đầu tư đăng ký và đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời quan tâm hoặc có nhiều nhà đầu tư đăng ký nhưng chỉ có một nhà đầu tư đáp ứng yêu của hồ sơ mời quan tâm

(5): Ghi tên nhà đầu tư được lựa chọn

(6): Ghi giá trị bằng tiền hoặc giá trị khác theo một trong các tiêu chuẩn quy định tại Điều 48 hoặc Điều 49 Nghị định số 115/2024/NĐ-CP

_____, ngày____tháng____năm

Người báo cáo

(tên, số điện thoại, địa chỉ email)